

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ SÀM SƠN  
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 33/2024/HNGĐ - ST  
Ngày: 29 - 8 - 2024  
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÀM SƠN, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hùng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Văn Hay

Ông Nguyễn Văn Thơm;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Khánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Ông Lê Văn Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Sầm Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2024/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 33/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Chu Thị Y - sinh năm 1995. Có đơn xét xử vắng mặt

ĐKTT: Khu phố N, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ: Khu phố H, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

**Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn Đ - sinh năm 1990. Vắng mặt

Địa chỉ: Khu phố N, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Chu Thị Y trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Y và anh Đ kết hôn với nhau năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về tính tình, thường xuyên bất đồng

quan điểm sống, không có tiếng nói chung khiến vợ chồng thường xuyên cãi vã, thì thoảng có xảy ra xô xát, vợ chồng không còn quan tâm nhau và không còn tình cảm. Từ năm 2016 vợ chồng sống ly thân nhau từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Nay xét thấy không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyện vọng của chị Y được giải quyết ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị Y và anh Đ có 01 con chung, là cháu Nguyễn Công H - sinh ngày 19/5/2013. Nay chị Y đề nghị giao cháu H cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng và chị có nghĩa vụ cấp cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8 năm 2024 đến khi cháu H thành niên.

Về tài sản, công nợ chung: Chị Y không yêu cầu xem xét, giải quyết.

*Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn Đ:* Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi xét xử đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Đ nhưng anh không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sầm Sơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 110; Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014,

Đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, xử cho chị Y được ly hôn với anh Đ.

Về yêu cầu nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào nguyện vọng của đương sự để giao con theo quy định, cần giao cháu Nguyễn Công H cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và buộc chị Y phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8 năm 2024 đến khi cháu H thành niên.

Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Chu Thị Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng định kỳ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn có đủ cơ sở nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Do bị đơn anh Nguyễn Văn Đ có nơi cư trú tại phường Q, thành phố Sầm Sơn nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn là đúng quy định tại các Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng và trở ngại khách quan; nguyên đơn chị Chu Thị Y có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ và chị Y.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Y và anh Đ kết hôn với nhau được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, cả anh và chị không vi phạm các quy định về độ tuổi và các điều kiện cấm kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình. Như vậy, hôn nhân của anh, chị được công nhận là hợp pháp.

[3]. Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Y và anh Đ sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau về tính tình, thường xuyên bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, vợ chồng sống ly thân đã lâu và không còn quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để giải quyết nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không lý do, điều đó thể hiện anh Đ không mong muốn vợ chồng hòa giải những bất đồng để quay về đoàn tụ, không tha thiết với cuộc sống hôn nhân. Như vậy, mâu thuẫn cuộc sống hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay nguyên vọng xin ly hôn của chị Y là có căn cứ chấp nhận, vì thực trạng anh, chị không còn sống với nhau. Hội đồng xét xử chấp nhận với ý kiến của Kiểm sát viên, cho chị Chu Thị Y được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ là phù hợp với Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung: Chị Y và anh Đ có 01 con chung, là cháu Nguyễn Công H – sinh ngày 19/5/2013. Nay chị Y đề nghị giải quyết cho anh Đ được nuôi dưỡng cháu H và chị có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 8 năm 2024 cho đến khi cháu thành niên.

Xét thấy việc nuôi dạy con cái là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ, ai cũng có quyền này. Hiện tại cháu Nguyễn Công H đang ở với anh Đ, nguyên vọng của chị Y là giao cháu H cho anh Đ được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và đây cũng là nguyên vọng của cháu H, nên cần giao cháu H cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, về nguyên vọng giao con cho anh Đ nuôi dưỡng của chị Y là phù hợp và có căn cứ. Cần giao cháu Nguyễn Công H cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Việc cấp dưỡng nuôi con của cha mẹ đối với con cái sau ly hôn là nghĩa vụ chung, bên không nuôi con phải có nghĩa

vụ cấp dưỡng một phần cho bên nuôi con. Tuy nhiên mức cấp dưỡng phải phù hợp đảm bảo nhu cầu tối thiểu cho con và người cấp dưỡng, chị Y có nguyện vọng cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 8 năm 2024 cho đến khi cháu thành niên. Xét đây là ý chí tự nguyện của chị Y nên cần được chấp nhận.

[5]. Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự về cấp dưỡng chị Chu Thị Y phải chịu theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. (ban hành kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án).

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 110; Điều 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Chu Thị Y về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với anh Nguyễn Văn Đ.

#### **Xử:**

Về hôn nhân: Chị Chu Thị Y được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ;

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Công H cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên. Chị Y có quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Chị Y có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung, mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) kể từ tháng 8 năm 2024 cho đến khi cháu H thành niên.

Về án phí: Chị Chu Thị Y phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Y đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0004911 ngày 20/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Chị Y còn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí.

Án xử công khai, chị Chu Thị Y và anh Nguyễn Văn Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKS TP. Sầm Sơn;
- UBND phường Q;
- Chi cục THADS TP Sầm Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Văn Hùng**